

Số: 91../BCB-BVĐK

TP. Cà Mau, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Cà Mau

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau.**

Số giấy phép hoạt động 000414/SYT-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế Cà Mau, ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Địa chỉ: Số 36, Lý Thái Tôn, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ CKII Phan Việt Sơn.

Điện thoại liên hệ: 02903831202. Email: bvthanhphocamau@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ y khoa;
- Bác sỹ y học cổ truyền;
- Bác sỹ Răng Hàm Mặt;
- Bác sỹ Tai Mũi Họng;
- Y sỹ đa khoa;
- Y sỹ y học cổ truyền;
- Điều dưỡng viên;
- Hộ sinh viên;
- Kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Kỹ thuật hình ảnh y học;
- Kỹ thuật y phục hình răng;
- Dược sỹ.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đã đào tạo	Chức danh	Phạm vi hoạt động chuyên môn
I.	Bác sỹ y khoa/ Y học cổ truyền/ Răng hàm mặt/ Tai Mũi họng; Y sỹ đa khoa/ y sỹ y học cổ truyền				
1	Phan Việt Sơn	Bác sỹ CKII	Quản lý y tế	000295/CM-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa
2	Trần Quang Sáng	Bác sỹ CKI	Nội khoa	000041/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
3	Lê Văn Trò	Bác sỹ CKI	Tai Mũi Họng	000040/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng
4	Nguyễn Hoàng Phong	Bác sỹ CKI	Y học cổ truyền	0002749/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền
5	Nguyễn Thị Xuân Chúc	Bác sỹ CKI	Da liễu	000027/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Da liễu
6	Tăng Hòa Tú	Bác sỹ CKI	Nội khoa	000314/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
7	Nguyễn Phước Hậu	Bác sỹ CKI	Nội khoa	000305/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
8	Trương Thị Thùy Trang	Bác sỹ sơ bộ	Mắt	0002750/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
9	Phạm Hoàng Khăng	Bác sỹ CKI	Nội khoa	000739/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
10	Đoàn Minh Thắng	Bác sỹ CKI	Nội khoa	000043/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
11	Trương Kim Liên	Bác sỹ	Sản phụ khoa	003464/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa
12	Trần Hồng Trường	Bác sỹ CKI	Chẩn đoán HA	000613/CM-CCHN	Chẩn đoán HA
13	Trần Phương Linh	Bác sỹ	Nhi khoa	004665/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa
14	Nguyễn Y Phụng	Bác sỹ	Răng Hàm mặt	005329/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa Răng Hàm mặt
15	Nguyễn Kim Huệ	Bác sỹ	Nội khoa	004403/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
16	Trần Huệ Quân	Bác sỹ	Nội khoa	0002696/CM-CCHN	Khám chữa bệnh Bằng Y học cổ truyền
17	Nguyễn Văn Nghĩa	Bác sỹ	Nội khoa	004395/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
18	Nguyễn Văn Tuấn	Bác sỹ	Nội khoa	002513/CM-CCHN	Khám bện, chữa bệnh chuyên khoa Nội
19	Lê Hồng Đăng	Bác sỹ	Nội khoa	005094/CM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

20	Đặng Duy Khoa	Bác sỹ sơ bộ	Tai Mũi họng	004733/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi họng
21	Hồ Trọng Nguyễn	Bác sỹ	Nội khoa	004426/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi
22	Trương Thị Tuyết Kha	Bác sỹ	Y học cổ truyền	005303/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Bằng Y học cổ truyền
23	Trương Kiều Diễm	Bác sỹ	Nhi khoa	005189/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi
24	Nguyễn Thảo Như	Bác sỹ	Nội khoa	005322/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa
25	Đào Thúy Duy	Bác sỹ	Nội khoa	005619/CM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa
26	Bùi Thị Thu Phương	Bác sỹ	Nội khoa	7608/KG- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa
27	Trần Kim Hoa	Y sỹ	Y học cổ truyền	002461/CM- CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền
28	Trần Ngọc Diệu Hương	Y sỹ	Y học cổ truyền	003293/CM- CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền
29	Trần Hồng Phúc	Y sỹ	Y học cổ truyền	003141/CM- CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền
30	Lâm Văn Tuấn	Y sỹ	Y học cổ truyền	001404/CM- CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền
II. Điều dưỡng; Hộ sinh; kỹ thuật y					
1	Nguyễn Quốc Trọng	Cử nhân	Điều dưỡng	001411/CM- CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	Cử nhân	Điều dưỡng	001403/CM- CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
3	Phạm Hà Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	001401/CM- CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
4	Lê Chí Ngung	Cử nhân	Điều dưỡng	001399/CM- CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
5	Võ Bé Đoan	Cử nhân	Điều dưỡng	001405/CM- CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT- BNV

6	Nguyễn Xuân Đào	Cao đẳng	Điều dưỡng	001374/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
7	Trần Ngọc Trân	Cao đẳng	Điều dưỡng	004854/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
8	Phạm Thị Bé Chín	Cao đẳng	Điều dưỡng	001400/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
9	Nguyễn Lê Ngọc Tuyền	Cao đẳng	Điều dưỡng	003443/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
10	Đỗ Kim Nhẫn	Cao đẳng	Điều dưỡng	001393/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
11	Nguyễn Thị Hồng Đượm	Cao đẳng	Điều dưỡng	003377/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
12	Trần Thị Loan	Cao đẳng	Điều dưỡng	003123/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
13	Phạm Ngọc Kiều	Cao đẳng	Điều dưỡng	003924/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
14	Trần Phương Thảo	Cao đẳng	Điều dưỡng	003921/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
15	Lê Phương Thảo	Cao đẳng	Điều dưỡng	003327/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
16	Ngô Bảo Xuyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	004758/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
17	Huỳnh Bảo Trâm	Cao đẳng	Điều dưỡng	005165/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
18	Lâm Yến Phượng	Cao đẳng	Điều dưỡng	001388/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
19	Lê Thị Diệu	Cao đẳng	Điều dưỡng	001380/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
20	Ngô Bích Duyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	001382/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
21	Huỳnh Thành Có	Cao đẳng	Điều dưỡng	004629/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV

22	Nguyễn Quang Quý	Cao đẳng	Điều dưỡng	003124/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
23	Nguyễn Mỹ Ái	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	001412/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
24	Nguyễn Thu Hiệp	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	001395/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
25	Nguyễn Như Huỳnh	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	001387/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
26	Phạm Ngọc Hân	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	001402/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
27	Phù Hồng Cẩm	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	002376/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
28	Trần Thị Ái Liên	Cử nhân	Điều dưỡng phụ sản	002307/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
29	Lý Ngọc Nhiều	Cao đẳng	Hộ sinh	001375/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
30	Hà Thị Tuyết Em	Cao đẳng	Hộ sinh	001386/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
31	Dư Thị Điềm	Cao đẳng	Hộ sinh	003622/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
32	Nguyễn Ánh Nguyệt	Cử nhân	Xét nghiệm	001409/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
33	Phùng Mỹ Liên	Cử nhân	Xét nghiệm	000847/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
34	Võ Trần Hoàng Kim	Cử nhân	Xét nghiệm	005247/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
35	Trương Hằng Mơ	Cử nhân	Xét nghiệm	004178/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
36	Trần Quốc Bảo	Cử nhân	Xét nghiệm	005371/CM-CCHN	Theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV

III. Dược sỹ					
1	Trần Thái Thảo	Dược sỹ CKI	Tổ chức dược	84/CM- CCHND	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
2	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Đại học	Dược sỹ	994/CM- CCHND	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
3	Huỳnh Lan Anh	Đại học	Dược sỹ	2329/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
4	Huỳnh Hồng Linh	Đại học	Dược sỹ	1160/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
5	Đặng Thanh Thảo	Đại học	Dược sỹ	2702/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
6	Trần Tuấn Tuyên	Đại học	Dược sỹ	03/CM- CCHN-D	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
7	Nguyễn Trúc Duyên	Cao đẳng	Dược sỹ	1308/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
8	Nguyễn Cẩm Giêng	Cao đẳng	Dược sỹ	1153/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
9	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cao đẳng	Dược sỹ	1159/CM- CCHND	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
10	Dương Thị Ngọc Bích	Cao đẳng	Dược sỹ	1149/CM- CCHND	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
11	Mai Mỹ Hương	Cao đẳng	Dược sỹ	1625/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
12	Trang Ngọc Hân	Cao đẳng	Dược sỹ	1154/CM- CCHND	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV
13	Ngô Vũ Huỳnh	Cao đẳng	Dược sỹ	1155/CCHN- D-SYT-CM	Theo TTLT số 27/20154/TTLT- BYT-BNV

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không có

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ 100 người/ năm.

- Y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y: 100 người/ năm.
- Dược sỹ: 20 người/ năm.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Chi phí thực hành đối với người ngoài bệnh viện: 400.000 đồng/ người/tháng.
- Thực hành đối với người thuộc bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau: Không thu phí.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.



Nơi nhận:

- Sở y tế CM;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phan Việt Sơn

